

## BIỂU LÃI SUẤT ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

(Theo quyết định số 746/2019/QĐ-TGD ngày 01/10/2019 của Tổng giám đốc VPBank)

Biểu lãi suất này có hiệu lực từ ngày 12/10/2019

STT	NỘI DUNG	LÃI SUẤT
<b>I</b>	<b>LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM</b>	
1	Khách hàng có Tài sản bảo đảm là 100% giấy tờ có giá do VPBank phát hành	20 %/năm
2	Khách hàng có Tài sản bảo đảm khác được VPBank chấp nhận (không phải 100% Giấy tờ có giá do VPBank phát hành)	
a)	Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit	24 %/năm
b)	Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum	22 %/năm
<b>II</b>	<b>LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM</b>	
1	Thẻ tín dụng quốc tế Business Credit	
a)	Khách hàng Micro SME	32 %/năm
b)	Khách hàng Small/Middle SME	31 %/năm
2	Thẻ tín dụng quốc tế Business Platinum	
a)	Khách hàng Micro SME	32 %/năm
b)	Khách hàng Small/Middle SME	30 %/năm
<b>III</b>	<b>LÃI SUẤT TRONG HẠN ÁP DỤNG VỚI SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG QUỐC TẾ ĐẶC THÙ</b>	
1	Thẻ tín dụng quốc tế dành cho nhóm khách hàng Grab taxi	20 %/năm
2	Thẻ tín dụng quốc tế đồng thương hiệu VESA hạng Platinum	32 %/năm
3	Thẻ tín dụng quốc tế dành cho phân khúc KHDN nữ SME WE Card	30 %/năm
4	Thẻ tín dụng quốc tế dành cho KH có tiền gửi tại VPBank	32 %/năm

### Ghi chú chung:

- Lãi suất Thẻ tín dụng được tính trên cơ sở một năm có **365 ngày**
- Lãi suất tính theo tỷ lệ %/năm theo phương pháp tính lãi “tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi”
- Tùy thuộc vào từng loại Thẻ tín dụng, lãi suất Thẻ tín dụng có thể được điều chỉnh căn cứ vào yếu tố thị trường, chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

### Mức lãi suất điều chỉnh được tính theo công thức sau:

- Lãi suất điều chỉnh bằng = Lãi suất thẻ hiện đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh + Một mức lãi suất tăng thêm cụ thể (được Ngân hàng công bố công khai trên website chính thức của Ngân hàng từng thời kỳ).